TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THƯỜNG XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST Ngày 07-8-2024 V/v: "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn, tranh chấp về nuôi con".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HÓA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Lê Thị Tâm**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Lê Thị Huyền và Bà Lê Thị Liên**

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Công Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Minh Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 73/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/7/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Đ, sinh năm 1984 (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Cầm Bá T, sinh năm 1982 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã LK huyện TX, tỉnh Thanh Hoá.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/5/2024; bản tự khai, Biên bản hòa giải và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị Đ trình bày:

- *Về hôn nhân*: Chị Hoàng Thị Đ và anh Cầm Bá T chung sống với nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đã thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã LK, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 14/01/2004. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc được hơn 10 năm, đến khoảng năm 2019 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, trong sinh hoạt vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, anh Tuyên hay ghen tuông vô cớ, không quan tâm gia đình và thường xuyên bạo lực gia đình dẫn đến hôn nhân vợ chồng không hạnh phúc, hiện nay chị Đ, anh T người

nào biết người đó không còn quan tâm tới nhau, mặc dù hai bên gia đình nội, ngoại đã khuyên ngăn hai vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy các con nhưng tình hình vẫn không cải thiện, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa, nên chị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Cầm Bá T.

- *Về con chung*: Vợ chồng công nhận có 02 (hai) con chung là cháu Cầm Bá M, sinh ngày 04/02/2005 và cháu Cầm Thị L, sinh ngày 01/02/2011. Tại Biên bản hòa giải ngày 10/6/2024, hai bên tự nguyện thống nhất cháu vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Cầm Bá M, sinh ngày 04/02/2005 và cháu Cầm Thị L, sinh ngày 01/02/2011. Cháu Cầm Bá M hiện nay đã trưởng thành có sức khoẻ lao động bình thường cháu ở với ai tuỳ cháu nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn cháu L giao cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại các bản tự khai và Biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Cầm Bá T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T đồng ý với phần nội dung trình bày và việc đăng ký kết hôn của chị Hoàng Thị Đ là đúng. Trong quá trình chung sống thời gian đầu chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, một thời gian sau do cuộc sống khó khăn nên vợ chồng tôi đi làm ăn xa để kiếm sống. Khi đi làm ở xa nhà thì vợ chồng không quan tâm nhau dẫn tới tình cảm không còn, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2020 cho đến nay. Hiện nay anh T xác định vẫn còn tình cảm với chị Đông, không muốn ảnh hưởng tới con cái và anh T nghĩ mâu thuẫn chưa đến mức phải ly hôn nên anh không đồng ý ly hôn với chị Đ.

- Về con chung: Anh đồng ý về phần trình bày về con chung của chị Đ. Vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Cầm Bá M, sinh ngày 04/02/2005 và cháu Cầm Thị L, sinh ngày 01/02/2011. Anh T đồng ý với Biên bản hòa giải về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung của chị Đ không có ý kiến gì khác. Hiện nay cháu M đã trưởng thành có sức khoẻ lao động bình thường nên anh không yêu cầu giải quyết, còn cháu L anh T đồng ý giao cháu cho chị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng, cũng như phù hợp với nguyện vọng cháu L và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản và công nợ:* Chị Hoàng Thị Đ và anh Cầm Bá T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 30/5/2024 về nguyên nhân và tình trạng mâu thuẫn giữa chị Đ và anh T tại địa phương thể hiện: Chị Đ và anh T xây dựng gia đình với nhau từ năm 2004, sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, đến khoảng năm 2019 đến 2020 anh T và chị Đ có xảy ra mâu thuẫn, xung đột, gia đình đã khuyên giải vợ chồng đoàn tụ nhưng vẫn không cải thiện được nên dẫn đến phải

đưa vụ việc ra giải quyết tại Tòa án nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Thường Xuân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ *Về thủ tục tố tụng*: Về việc tuân theo tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ ngày thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng theo luật định.

+ *Nội dung*: Về hôn nhân: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị Đ được ly hôn anh Cầm Bá T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (*hai*) con chung là cháu Cầm Bá M, sinh ngày 04/02/2005 và cháu Cầm Thị L, sinh ngày 01/02/2011. Hiện nay cháu M đã trưởng thành có sức khoẻ lao động bình thường nên không yêu cầu giải quyết, còn cháu L anh T đồng ý giao cháu cho chị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp với ý kiến của cháu L, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình ghi nhận sự tự nguyện thống nhất về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của chị Đ và anh T.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu tòa án giải quyết; Về án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa chị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình, ngày 18/6/2024 chị Đ có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải mà giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh Cầm Bá T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Hoàng Thị Đ khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn, nuôi con với anh Cầm Bá T. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung:

- *Về hôn nhân*: Chị Hoàng Thị Đ và anh Cầm Bá T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đủ cơ sở xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Xét nguyện vọng xin ly hôn của chị Đông là có cơ sở, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Đ và anh T kéo dài, nguyên nhân do anh T thường xuyên ghen tuông vô cớ, không quan tâm gia đình và thường xuyên bạo lực gia đình dẫn đến hôn nhân vợ chồng không hạnh phúc. Hai bên gia đình nội, ngoại, đã khuyên giải nhiều lần, Tòa án đã tiến hành hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Tòa án đã xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ

chồng trong quá trình chung sống. Như vậy, xác định mâu thuẫn giữa chị Đ và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng thể hiện việc chị Đ và anh T đã sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay, trong thời gian ly thân không ai còn quan tâm, hàn gắn, hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, ngày 18/6/2024 chị Đ có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải. Do đó, Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ, cho chị Đ được ly hôn với anh T là có căn cứ.

- *Về con chung*: Vợ chồng công nhận có 02 (hai) con chung là cháu Cầm Bá M, sinh ngày 04/02/2005 và cháu Cầm Thị L, sinh ngày 01/02/2011. Cháu M hiện nay đã trưởng thành có sức khoẻ lao động bình thường nên không xem xét. Còn cháu Cầm Thị L từ khi chị Đ và anh T sống ly thân cho đến nay cháu L sống cùng với chị Đ, chị Đ vẫn nuôi dạy, chăm sóc, giáo dục cháu L đảm bảo tốt về mọi mặt; đồng thời cháu L lại là con gái nên rất cần sự chăm sóc, quan tâm, giáo dục của người mẹ. Nguyện vọng của cháu L là được ở với mẹ. Tại Biên bản hòa giải ngày 10/6/2024, hai bên tự nguyện thống nhất cháu Cầm Bá M, sinh ngày 04/02/2005 và cháu Cầm Thị L, sinh ngày 01/02/2011, cháu M đã trưởng thành có sức khoẻ lao động bình thường nên không xem xét; còn cháu L giao cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị Đ có thu nhập ổn định hàng tháng 5.000.000đồng đến 7.000.000đồng/tháng chị có đủ điều kiện nuôi con nên chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản và công nợ*: Nguyên đơn chị Đ và bị đơn anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- *Về án phí:* Nguyên đơn chị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị Đ

Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị Đ được ly hôn anh Cầm Bá T

Về con chung: Ghi nhận sự thống nhất thỏa thuận của chị Đ và anh T. Vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Cầm Bá M, sinh ngày 04/02/2005 và cháu Cầm Thị L, sinh ngày 01/02/2011. Cháu M đã trưởng thành có sức khoẻ lao động bình thường nên không xem xét; Giao cháu Cầm Thị L cho chị Hoàng Thị Đ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Anh Cầm Bá T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng anh T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ: Chị Hoàng Thị Đ và anh Cầm Bá T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Hoàng Thị Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Đ đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0006393 ngày 20/5/2024. Số tiền này được trừ vào số tiền án phí mà chị Đ phải nộp, chị Đ đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 07/8/2024). Anh Cầm Bá T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND H. Thường Xuân;
- Phòng GĐKTNV-TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H. Thường Xuân;
- UBND xã Luận Khê, H. Thường Xuân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Lê Thị Tâm